

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 05/10/2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 26, 27/9/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 74 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 26, 27/9/2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT05	Vô Thị	Chinh	27/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt
2	CNTT06	Ngô Mạnh	Cường	28/11/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	9,0	7,0	Đạt
3	CNTT07	Vi Thị	Duyên	05/01/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
4	CNTT11	Lê Thị	Hạnh	02/05/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
5	CNTT12	Dương Thị	Hiền	08/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt
6	CNTT13	Giáp Thị	Hiền	20/11/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
7	CNTT14	Lương Thị Bích	Hiền	07/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
8	CNTT16	Dương Thị	Huệ	27/09/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
9	CNTT17	Nguyễn Thị	Huệ	21/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
10	CNTT19	Nguyễn Thị	Huyền	02/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
11	CNTT20	Nguyễn Thị	Hương	24/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
12	CNTT21	Nguyễn Thị	Hương	07/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
13	CNTT25	Nguyễn Thị	Lành	23/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
14	CNTT27	Trương Thị	Thanh	11/08/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
15	CNTT28	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	20/11/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
16	CNTT32	Thân Văn	Tú	23/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
17	CNTT33	Đỗ Anh	Tuấn	05/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
18	CNTT34	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	31/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
19	CNTT35	Đỗ Thị	Vân	26/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
20	CNTT36	Hứa Ngọc	Ánh	02/12/1974	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	Đạt
21	CNTT38	Hoàng Thị	Ban	29/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
22	CNTT39	Nguyễn Thị	Chinh	28/12/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt
23	CNTT40	Hoàng Văn	Chính	29/03/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt
24	CNTT41	Hoàng Thị	Dung	01/07/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
25	CNTT42	Nông Ngọc	Dũng	21/03/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt
26	CNTT43	Hà Thị	Đàm	29/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt
27	CNTT44	Triệu Quang	Đình	08/04/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
28	CNTT45	Mỗ Văn	Định	25/09/1976	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
29	CNTT46	Hoàng Thành	Đông	18/01/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt
30	CNTT47	Ma Văn	Đức	30/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	Đạt
31	CNTT48	Đinh Thị	Giáng	24/04/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
32	CNTT49	Trần Thị	Hà	07/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
33	CNTT50	Trương Thị	Hạnh	12/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt
34	CNTT51	Hoàng Kim	Hiền	23/10/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
35	CNTT52	Dương Ngọc	Hiền	01/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt
36	CNTT53	Nông Thị	Hoa	21/09/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt
37	CNTT54	Lương Thị	Hoài	07/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
38	CNTT55	Mông Quốc	Hoàn	12/09/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,5	Đạt
39	CNTT56	Hoàng Văn	Hội	02/06/1970	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt
40	CNTT57	Nông Thị	Hồng	12/10/1968	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
41	CNTT58	Hoàng Kim	Huệ	16/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
42	CNTT59	Nguyễn Văn	Huy	13/11/1978	Ninh Bình	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
43	CNTT60	Hoàng Văn	Huỳnh	05/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt
44	CNTT61	Vi Văn	Khoa	23/12/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt
45	CNTT62	Lê Thị	Lan	27/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
46	CNTT63	Mỗ Thùy	Liên	19/10/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
47	CNTT64	Triệu Văn	Liên	20/08/1993	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	7,0	Đạt
48	CNTT65	Đặng Tăng	Lộc	23/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	6,0	Đạt
49	CNTT66	Lý Thị	Lượng	21/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
50	CNTT67	Nguyễn Thị	Lưu	14/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
51	CNTT68	Hoàng Thị	Mai	21/10/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt
52	CNTT69	Nông Thị	Mai	28/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
53	CNTT70	Lô Thị	Mấn	08/09/1987	Bắc Kạn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
54	CNTT73	Hoàng Văn	Nhâm	01/02/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt
55	CNTT74	Hà Thị Ly	Nô	03/06/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt
56	CNTT75	Nông Quý	Phong	01/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt
57	CNTT76	Vũ Thế	Phương	27/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
58	CNTT77	Hoàng Văn	Quyên	03/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt
59	CNTT78	Hoàng Thị	Sen	12/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
60	CNTT79	Hoàng Thị	Sự	25/05/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt
61	CNTT80	Nguyễn Văn	Tăng	11/09/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
62	CNTT81	Trần Bích Thiêm	03/04/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	Đạt
63	CNTT82	Lý Thị Thiệp	18/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt
64	CNTT83	Lăng Văn Thiệu	30/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt
65	CNTT84	Hoàng Thị Thoir	29/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt
66	CNTT86	Đỗ Huyền Thương	17/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
67	CNTT88	Hoàng Thị Trang	01/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt
68	CNTT90	Lý Văn Trường	13/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
69	CNTT91	Tô Văn Tuấn	11/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
70	CNTT92	Hoàng Thị Tuyết	29/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
71	CNTT93	Vì Thị Tuyết	17/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
72	CNTT94	Nguyễn Tuấn Uy	21/07/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt
73	CNTT95	Hoàng Thị Vành	02/07/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	Đạt
74	CNTT96	Hoàng Thị Xiêm	04/07/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 74./.